

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15/5/2020

“V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Nguyễn Mạnh Dũng.

2. Ông Nguyễn Quang Liêu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Ông An Bắc Lùng.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 437/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 437/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S; sinh năm 1983. (Vắng mặt).

HKTT: Khu Đ L, T.Tr Đ P, huyện B Đ, tỉnh B P.

Địa chỉ: Đội 2, xã Y T, huyện Đ S, tỉnh T H.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T; S năm 1983. (Vắng mặt).

HKTT: Khu Đ L, T.Tr Đ P, huyện B Đ, tỉnh B P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2019, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu chung sống từ năm 2007, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M H, huyện B Đ, tỉnh B P cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 119; quyền số 02/2007 ngày 24/12/2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2017 thì phát S mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không chăm lo cuộc sống gia đình, thường hay nhậu nhẹt, ngoài ra anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã; anh T đánh đập, đe dọa giết chị nên khoảng tháng 02/2019 chị đưa các con về quê tại T 1

H sinh sống cho đến nay. Thời gian sống ly thân không thể hàn gắn được tình cảm mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 05/02/2008 và Nguyễn Thị Yến L, sinh ngày 25/9/2009. Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 2.000.000đ/tháng/2 con cho đến khi thành niên. Hiện nay chị làm công nhân thu nhập khoảng 7.000.000đ/ tháng và đủ các điều kiện nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn T quá trình giải quyết đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt không tham gia làm việc và không gửi ý kiến cho Tòa án.*

** Tại biên bản xác minh tình trạng mâu thuẫn ngày 19/3/2020 giữa Tòa án nhân dân huyện B Đ với đại diện ban quản lý khu Đ L thể hiện: Anh T chị S xảy ra mâu thuẫn gia đình, nguyên nhân là do vợ chồng không thống nhất được với nhau trong công việc làm ăn, anh T thường xuyên uống rượu rồi xảy ra cãi vã với chị S, mâu thuẫn trầm trọng nên chị S cùng các con bỏ về quê sinh sống.*

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ trình bày ý kiến, quan điểm về vụ án: Việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, giao con chung Nguyễn Tuấn Đ và Nguyễn Thị Yến L cho chị S nuôi dưỡng, Buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng số cho con chung cho đến khi thành niên. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân và tình trạng hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã M H, huyện B Đ, tỉnh B P cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 119 quyển số 02/2007 ngày 24/12/2007. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh T là hôn nhân là hợp pháp.

Chị S và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không đảm bảo chăm lo cuộc sống gia đình, thường hay nhậu nhẹt nên vợ chồng thường xuyên cãi vã; anh T đánh đập chị S nên từ tháng 02/2019 chị S đưa các con về quê tại đội 2, xã Y Th, huyện Đ S, tỉnh T H sinh sống cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án chị S đề nghị Tòa án không tiến hành các thủ tục hòa giải và xin giải quyết vắng mặt; bị đơn anh T vắng mặt, không gửi ý kiến cho Tòa án; không hợp tác trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không tham gia phiên tòa sơ thẩm. Từ những phân tích trên có cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị S với anh Nguyễn Văn T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị S là có cơ sở cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện chị Nguyễn Thị S với anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 05/02/2008 và Nguyễn Thị Yến L, sinh ngày 25/9/2009. Hiện nay các con chung đang do chị S nuôi dưỡng, các con chung đều có nguyện vọng ở với chị S; anh T không gửi ý kiến cho Tòa án về người trực tiếp nuôi dưỡng nên coi như tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển của con chưa thành niên, cần thiết giao cho chị S nuôi dưỡng các con chung là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị S yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 2.000.000đ/ tháng/ 02 con cho đến khi thành niên. Xét thấy, chị S và anh T đều có nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung, do anh T không trực tiếp nuôi dưỡng nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con chung là phù hợp; Mức cấp dưỡng chị S yêu cầu là phù hợp với chi phí nuôi dưỡng hiện nay nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị S đối với bị đơn Nguyễn Văn T; Chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[2] Về con chung: Giao hai con chung của chị S anh T là Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 05/02/2008 và Nguyễn Thị Yến L, sinh ngày 25/9/2009 cho chị S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con chung Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 05/02/2008 và Nguyễn Thị Yến L, sinh ngày 25/9/2009 số tiền 2.000.000đ/ tháng cho đến khi con chung thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009819 ngày 03/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B Đ, tỉnh B P.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B Đ;
- CCTHADS huyện B Đ;
- UBND xã Minh Hưng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Huệ